

**PHỤ LỤC DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ THUỘC THÔNG TƯ 04/2017/TT-BYT ĐỀ NGHỊ CHÀO GIÁ**  
**Kèm theo Thư mời số 228 /TM-BVP ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bệnh viện Phổi Nghệ An**

| TT | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                                              | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Quy cách (nếu có)        | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|----------|
| 1  | VT001 | N08.00.310                                  | Ambu bóp bóng người lớn                                                   | Ambu bóp bóng người lớn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hộp 1 bộ                 | Bộ          | 100      |
| 2  | VT002 | N08.00.030                                  | Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiết khuẩn bằng hơi nước 24mm x 55m | Băng keo chỉ thị nhiệt với vạch mực chuyển màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiết khuẩn hay chưa. Kích thước 24mmx55m<br>- Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiết khuẩn<br>- Dùng cho các chu trình tiết khuẩn hơi nước 121°C và 132°C-134°C<br>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 20 cuộn/thùng 24mm x 55m | Cuộn        | 20       |
| 3  | VT003 | N02.01.040                                  | Băng cuộn y tế 10cm x 5m                                                  | Chất liệu sợi cotton. Gạc màu trắng, không ói vàng, không mốc, cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín. Hai đầu cuộn băng phải bằng, không lệch, không được có xơ.<br>Kích thước:<br>Chiều dài: 5 m ± 0,2 m<br>Chiều rộng: 10 cm ± 0,4 cm<br>Độ lệch :<br>Không được lệch quá 5 sợi mỗi bên (từ 2 – 3 cm cuối cuộn).<br>Mật độ sợi: Trên một centimet vuông có 10 sợi dọc, 8 sợi ngang.<br>Tốc độ hút nước:<br>Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây.<br>Mất khối lượng do làm khô: không quá 8,5%<br>Thành phần: băng vải, gạc, chất dính<br>Kích thước tối thiểu: 1,9 cm x 7,2 cm<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 | 1120 cuộn/thùng          | Cuộn        | 3000     |
| 4  | VT004 | N02.01.040                                  | Băng dính cá nhân                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Hộp 102 miếng            | Miếng       | 100000   |
| 5  | VT005 | N02.01.040                                  | Băng keo có định kim luôn có gạc 6cmx7cm                                  | Vải nền đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) màu nâu, co giãn, thông thoáng. Băng 6cm x 7cm, 4 góc bo tròn tránh bung mép. Trên lớp giấy bảo vệ có thêm 2 miếng băng dán giúp cố định chắc dây truyền, ống truyền. Gạc 1.5cm x 2.5cm thấm hút dịch, cố định, che chắn chỗ kim luôn. Phù keo Acrylic an toàn cho mọi loại da. Tiết trùng từng miếng bằng E.O Gas.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA                                                                                                                                                                                                  | 100 miếng/hộp            | Miếng       | 20000    |
| 6  | VT006 | N02.02.020                                  | Băng keo lụa 5cm x 5m                                                     | Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide, Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Nguyên liệu các nước G7. Tiêu chuẩn CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hộp 1 cuộn               | Cuộn        | 7000     |
| 7  | VT007 | N02.02.020                                  | Băng thun có keo có định khớp 8cm x 4,5m (Urgocep 8cmx4,5m)               | Vải nền đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) co giãn, mềm mại, thoáng khí, độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g. Phù keo Acrylic trọng lượng 100g acrylic/m², độ dính 580g/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da, không sót keo sau khi tháo băng. Các vạch in sẵn giúp cắt theo kích cỡ tùy ý.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1 cuộn/hộp               | Cuộn        | 500      |

| TT | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                                                                   | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Quy cách (nếu có)      | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|----------|
| 8  | VT008 | N04.03.090                                  | Bộ dây máy thở                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"><li>• Chất liệu: nhựa y tế.</li><li>• Chiều dài dây: 1.8m</li><li>• Kích cỡ cổng kết nối thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế.</li><li>• Dùng để dẫn khí thở từ máy thở, máy gây mê tới bệnh nhân, sử dụng cho bệnh nhân thông khí nhân tạo.</li><li>• Đã tiệt trùng. Đóng gói riêng cho từng sản phẩm. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Túi 01 bộ              | Bộ          | 3000     |
| 9  | VT009 | N03.05.010                                  | Bộ dây truyền dịch (kim 2 cánh bướm các số)                                                    | Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh hoặc tương đương. Kim 2 cánh bướm có các cỡ 22G, 23G. Độ dài dây dẫn $\geq 1500$ mm. Có van khóa điều chỉnh, Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn: Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5$ ml. Có bầu cao su tiếp thuốc.<br><ul style="list-style-type: none"><li>- Dây dẫn chính dài 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC. Chúng nhận đặt không có chất gây tan huyết. Có công tiêm thuốc chữ Y. Đầu nối kim thiết kế khóa vịn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí có thiết kế màng lọc khuẩn 0,2<math>\mu</math>m vô khuẩn. Bầu đếm giọt dung tích <math>\geq 8.5</math>ml, có màng lọc dịch 15<math>\mu</math>m.</li><li>- Kim 1 cánh bướm 22G</li><li>- Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn TCVN 6591-4:2008; CE</li></ul> | 01 bộ/túi              | Bộ          | 100000   |
| 10 | VT010 | N03.05.010                                  | Bộ dây truyền dịch (kim 1 cánh bướm các số)                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Dây dẫn chính dài 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC. Chúng nhận đặt không có chất gây tan huyết. Có công tiêm thuốc chữ Y. Đầu nối kim thiết kế khóa vịn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí có thiết kế màng lọc khuẩn 0,2<math>\mu</math>m vô khuẩn. Bầu đếm giọt dung tích <math>\geq 8.5</math>ml, có màng lọc dịch 15<math>\mu</math>m.</li><li>- Kim 1 cánh bướm 22G</li><li>- Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn TCVN 6591-4:2008; CE</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 500 bộ/kiện            | Bộ          | 50000    |
| 11 | VT011 | N03.05.010                                  | Bộ dây truyền dịch Kim cánh bướm                                                               | Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5$ ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1500$ mm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Túi 1 bộ x 500 bộ/kiện | Bộ          | 100000   |
| 12 | VT012 | N08.00.230                                  | Bộ đo huyết áp xâm lấn                                                                         | Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn được làm từ vật liệu Polymer y tế cao cấp, có khả năng tương thích sinh học tiên tiến, cấu trúc sản phẩm đảm bảo an toàn. Chip nhạy, truyền dữ liệu chính xác. Phù hợp với tất cả các loại cab - Điện áp kích thích cảm biến: 1 ~ 6V;<br><ul style="list-style-type: none"><li>- Tần số điện áp kích thích: 5 KHz;</li><li>- Trở kháng đầu vào cảm biến: 300<math>\Omega</math> ~ 400<math>\Omega</math>; - Trở kháng đầu ra của cảm biến: 285<math>\Omega</math> ~ 315<math>\Omega</math>;</li><li>- Dune sai quá áp: -400 mmHg ~ +6462.5 mmHg</li></ul> Bộ hút đảm kín cho phép sử dụng trong 72 giờ liên tục. Cổng MDI cấu tạo van 1 chiều, các số.                                                                                                                                                   | 1 Bộ/Túi               | Bộ          | 50       |
| 13 | VT013 | N04.02.060                                  | Bộ hút đờm nhót kim                                                                            | Mask làm bằng vật liệu PVC, dây gọn sóng EVA, venturi PP, co nối âm cao: ID=22mm/ OD=6mm. Nồng độ oxy từ 24%-50%, tốc độ dòng 4-12LPM. venturi mã hóa màu theo các cỡ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Túi 1 bộ               | Bộ          | 1000     |
| 14 | VT014 | N08.00.310                                  | Bộ mặt nạ Venturi                                                                              | Mask làm bằng vật liệu PVC, dây gọn sóng EVA, venturi PP, co nối âm cao: ID=22mm/ OD=6mm. Nồng độ oxy từ 24%-50%, tốc độ dòng 4-12LPM. venturi mã hóa màu theo các cỡ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Túi 01 bộ              | Bộ          | 1000     |
| 15 | VT015 | N04.04.010                                  | Bộ tiêm truyền tĩnh mạch trung tâm 1 nòng các cỡ (Catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng các cỡ) | Bộ ống thông làm từ vật liệu PU.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Túi 1 bộ               | Bộ          | 100      |
| 16 | VT016 | N04.04.010                                  | Bộ tiêm truyền tĩnh mạch trung tâm 3 nòng các cỡ (Catheter tĩnh mạch trung tâm 03 nòng các cỡ) | Gồm : catheter, kim luồn, dây dẫn, que nong, dao mổ, nắp dây đầu catheter, bơm tiêm 5ml, catheter 3 nòng, thẳng hoặc cong, làm từ chất liệu polyurethane, kích thước 5Fx 16cm, 7F x 20 cm, 7F x 16cm catheter, có độ dài được đánh dấu, đường cân quang rõ nét.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Túi 1 bộ               | Bộ          | 600      |
| 17 | VT017 | N03.01.010                                  | Bom cho ăn sử dụng một lần 50ml                                                                | Yêu cầu: Bom tiêm được làm bằng nhựa PP, đốc to lắp vừa dây cho ăn. Vô trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: TCVN 5903. ISO 13485. ISO 14001: 2015                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 25 cái/hộp             | Cái         | 3000     |

| TT | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                          | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Quy cách (nếu có)      | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|----------|
| 18 | VT018 | N03.01.020                                  | Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 10ml                | - Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.<br>- Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.<br>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.<br>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135:2014 | 100 cái/hộp            | Cái         | 150000   |
| 19 | VT019 | N03.01.020                                  | Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 20ml                | Bơm tiêm nhựa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 50 cái/hộp             | Cái         | 150000   |
| 20 | VT020 | N03.01.020                                  | Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 50ml                | Bơm tiêm nhựa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 25 cái/hộp             | Cái         | 20000    |
| 21 | VT021 | N03.01.070                                  | Bơm tiêm 10ml                                         | Bơm tiêm nhựa 10 ml. Có Kim. Có loại cỡ kim 23G, 25G. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 01 cái/túi             | Cái         | 100000   |
| 22 | VT022 | N03.01.070                                  | Bơm tiêm 1ml                                          | Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 26Gx1/2"; gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Bơm tiêm đạt khoảng chết ≤ 0,03 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 01 cái/túi             | Cái         | 20000    |
| 23 | VT023 | N03.01.070                                  | Bơm tiêm 20ml                                         | Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 01 cái/túi             | Cái         | 100000   |
| 24 | VT024 | N03.01.070                                  | Bơm tiêm 50ml                                         | Bơm tiêm nhựa 50ml. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 01 cái/túi             | Cái         | 20000    |
| 25 | VT025 | N03.01.070                                  | Bơm tiêm 5ml                                          | Bơm tiêm nhựa 5ml. Có Kim. Có các cỡ kim 23G; 25G. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 01 cái/túi             | Cái         | 100000   |
| 26 | VT026 | N03.01.080                                  | Bơm tiêm cân quang loại 200ml, 1 nòng                 | Ống bơm thuốc cân quang 1 nòng loại 200ml. Bộ đóng gói gồm: 1 bơm tiêm, dây nối 150 cm, ống J. Chịu được áp suất tối đa: 1200 psi. Được làm từ vật liệu polypropylene, polycarbonat, cao su đàn hồi không chứa Latex. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Túi 01 cái             | Cái         | 300      |
| 27 | VT027 | N03.01.060                                  | Bơm tiêm Insulin                                      | Kim 29G, 30G; Dung tích 0,3ml - 0,5ml - 1ml. Kim có thành mỏng, mặt kim cắt vát 3 mặt, bề mặt kim phủ Silicon đánh bóng điện tử, bôi trơn theo công nghệ tạo hạt tích điện, tạo độ trơn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 360 cái/thùng          | Cái         | 5000     |
| 28 | VT028 | N03.01.020                                  | Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml/cc                       | Nhựa y tế nguyên sinh. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100 cái/hộp            | Cái         | 100000   |
| 29 | VT029 | N03.01.070                                  | Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml/cc, kim các cỡ | Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 10ml, Cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", có nắp đậy, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995 (ISO 7886-1993); EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015.                                                                                                                                                                                 | 1 cái/gói; 100 cái/hộp | Cái         | 100000   |
| 30 | VT030 | N03.01.070                                  | Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml/cc              | Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, cỡ kim 26Gx1/2", 25Gx5/8". Có nắp đậy, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói dạng ép vi bằng giấy y tế đảm bảo vô trùng giúp bảo vệ môi trường, Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt TCVN 5903:1995 (ISO 7886-1993) ; EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015.                                                                                                                                                       | 1 cái/vi; 100 cái/hộp  | Cái         | 10000    |

| TT | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                                                                                                      | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Quy cách (nếu có)      | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|----------|
| 31 | VT031 | N03.01.070                                  | Bom tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml/cc, kim các cỡ                                                                             | Bom tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 20ml, cỡ kim 23Gx1", có nắp đậy, pítông có khía bẻ gãy dễ hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiết trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995 (ISO 7886-1993). EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015.  | 1 cái/ gói; 50 cái/hộp | Cái         | 80000    |
| 32 | VT032 | N03.01.070                                  | Bom tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml/cc                                                                                          | Bom tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 5ml, cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", 25Gx5/8". có nắp đậy, pítông có khía bẻ gãy dễ hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói đảm bảo vô trùng, tiết trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995 (ISO 7886-1993). EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015. | 1 cái/ vi; 100 cái/hộp | Cái         | 100000   |
| 33 | VT033 | N01.01.010                                  | Bông hút nước y tế                                                                                                                | Thành phần: 100% bông xơ thiên nhiên, thành phần chính là Cellulose, Yêu cầu: pH: 5,0 ÷ 8,0, độ ẩm ≤ 8,0, tốc độ hút nước ≤ 10 giây. Quy cách: 1kg/cuộn. Tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                 | 01kg/gói               | Kg          | 500      |
| 34 | VT034 | N01.01.010                                  | Bông hút nước y tế                                                                                                                | Thành phần: 100% bông xơ thiên nhiên, thành phần chính là Cellulose, Yêu cầu: pH: 5,0 ÷ 8,0, độ ẩm ≤ 8,0, tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Quy cách: 1kg/cuộn. Tiê chuẩn theo DEVN V, Iso 13485                                                                                                                                                                      | 01kg/cuộn              | Kg          | 300      |
| 35 | VT035 | N09.00.010                                  | Bóng đèn máy sinh hóa                                                                                                             | Halogen lamp 12V-20W,<br>Dùng cho máy sinh hóa tự động Mindray BS 480, máy sinh hóa tự động Autotrol 420, dùng cho máy sinh hóa tự động AU 480, tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương                                                                                                                                                                         | Cái/túi                | Cái         | 10       |
| 36 | VT036 | N04.01.020                                  | Canuyn mở khí quản                                                                                                                | Được làm bằng nhựa PVC không độc: có bóng, cong 90 độ. Đầu valve có khóa. Đường mở tia X chảy dọc chiều dài ống. Đầu cổ dài 240 cm. Không có cao su. Sử dụng 1 lần. Có các số từ 5,0 đến 9,0. Tiêu chuẩn ISO 13485. EC.                                                                                                                                       | 01 cái / túi           | Cái         | 500      |
| 37 | VT037 | N04.01.020                                  | Canuyn mở khí quản có bóng các số                                                                                                 | Các cỡ: Đạt tiêu chuẩn ISO13485;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 10 cái/ hộp            | Cái         | 500      |
| 38 | VT038 | N04.04.010                                  | Catheter động mạch                                                                                                                | Catheter động mạch Artime bao gồm : catheter 18G dài 81/2cm hoặc 20G dài 4,5cm/8cm, Guide wire 0,035"x 50cm hoặc 0,021"x 20cm, Kim dẫn thẳng 18Ga x 7cm hoặc 20Ga x 4cm, Bom tiêm 5ml hoặc 2,5ml                                                                                                                                                              | 1 Bộ/ túi              | Bộ          | 100      |
| 39 | VT039 | N01.02.050                                  | Chất tẩy rửa enzyme cho quy trình tẩy rửa thủ công và bằng máy tự động trên dụng cụ y tế, phẫu thuật, nha khoa và dụng cụ nội soi | Đóng gói vô trùng<br>Thành phần: Protease enzyme protein ≤ 10%, Amylase enzyme ≤ 10%<br>Quy cách: Can 5 lít<br>Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 13485                                                                                                                                                                                                                   | Can 5 lít              | Can         | 200      |
| 40 | VT040 | N03.07.060                                  | Cassettes nhựa có nắp                                                                                                             | Sử dụng để làm khuôn đúc khối nền bệnh phẩm. Sử dụng trong mô học/ giải phẫu bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1000 cái/thùng         | Cái         | 4000     |
| 41 | VT041 | N04.01.010                                  | Chèn lưới nhựa                                                                                                                    | Ông thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Có các cỡ từ 4,0 đến 12,0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiết trùng bằng khí ETO. Tiêu chuẩn ISO 13485; EC. Hộp 50 cái                                                                                                                 | 01 cái / túi           | Cái         | 2000     |
| 42 | VT042 | N05.02.050                                  | Chi Chromic Catgut số 1                                                                                                           | Dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 50 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat<br>Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thành mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn, sợi màu nâu đồng nhất, không dỏm trắng, lực căng đứt ≥ 5,7 kgf                                                                                                                                           | 24 tệp/hộp             | Sợi         | 2000     |
| 43 | VT043 | N05.02.050                                  | Chi EGYCRYL số 4/0                                                                                                                | Đóng gói bằng giấy tiết trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả<br>- Chỉ Polyglactin 910, phủ calcium stearat, đa sợi, số 4/0, sợi dài 75cm-76cm<br>- kim tròn 17mm- 18mm, độ cong 1/2 vòng tròn.<br>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485                                                                                                               | Hộp 12 sợi             | Sợi         | 2000     |

| TT | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                                                       | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Quy cách (nếu có)          | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------|----------|
| 44 | VT044 | N05.02.030                                  | Chỉ Nylon số 3/0b                                                                  | Dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm, Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde, sợi chỉ có lực căng đứt $\geq 2.34$ kgf<br>Đóng gói 2 lớp: lớp trong bằng nhựa định hình cứng sâu 5 mm, lớp ngoài bằng giấy tiết trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 24 tệp/hộp                 | Sợi         | 2000     |
| 45 | VT045 | N05.02.030                                  | Chỉ phẫu thuật không tiêu liên kim vô trùng dùng trong y tế. Chromic Catgut các số | Chỉ Catgut Chromic, số 2/0, sợi dài 75cm-76cm<br>- kim tròn 25mm-26mm, độ cong 1/2 vòng tròn<br>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 12 sợi/ hộp                | Sợi         | 5000     |
| 46 | VT046 | N05.02.060                                  | Chỉ phẫu thuật tự tiêu Chromic Catgut số 4/0                                       | - Chỉ Catgut Chromic, số 4/0, sợi dài 75cm-76cm<br>- kim tam giác 16mm-17mm, độ cong 3/8 vòng tròn<br>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hộp 12 sợi                 | Sợi         | 7000     |
| 47 | VT047 | N01.02.030                                  | Cồn 90 độ                                                                          | - Hàm lượng Ethanol đạt 90%<br>- Quy cách: Can $\geq 5$ lít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Can $\geq 5$ lít           | Lít         | 1000     |
| 48 | VT048 | N01.02.030                                  | Cồn tuyệt đối                                                                      | Chai 250 ml dùng cho giải phẫu bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                            | chai        | 200      |
| 49 | VT049 | N01.02.030                                  | Cồn y tế 70 độ                                                                     | - Hàm lượng Ethanol đạt 70%<br>- Quy cách: Can $\geq 5$ lít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Can $\geq 5$ lít           | Lít         | 10000    |
| 50 | VT050 | N01.02.030                                  | Cồn y tế 96 độ                                                                     | - Hàm lượng Ethanol đạt 96%<br>- Quy cách: Can $\geq 20$ lít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Can $\geq 20$ lít          | Lít         | 2000     |
| 51 | VT051 | N04.02.060                                  | Dây hút dịch sử dụng một lần                                                       | Các số: 6, 8, 10, 12, 14, 16. Đảm bảo vô khuẩn. Chiều dài dây 50cm. Nguyên liệu PVC cao cấp, chuyên cho y tế, không độc hại không bị kích ứng. Không quá cứng hoặc quá mềm. Ống trơn láng, không sần sùi hoặc dập nứt. Bề mặt vòng bên ngoài có dạng tròn, nhẵn, được tráng silicon nhằm giảm thiểu sự kích thích các mô mềm trong suốt thời gian đặt vào nội khí quản. Có van kiểm soát, điều khiển chân không dạng chữ T có nắp đậy vào nhằm dễ dàng kiểm soát linh động bằng ngón tay. Thân ống đục đủ 2 lỗ bầu đục theo tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016 | Túi 20 cái x 25 túi / kiện | Cái         | 30000    |
| 52 | VT052 | N04.03.100                                  | Dây nối bơm tiêm điện 150cm                                                        | Dây nối bơm tiêm điện dài 75cm, 100 cm-150 cm-200cm, dung lượng 0.68ml- 0.90ml- 1.40ml- 1.80ml, khóa kết nối luer lock, đường kính nhỏ ( OD 2.70 & ID 0.95) chịu được áp lực cao (140 PSI), chống xoắn. Chất liệu túp PVC & đầu nối < cái> PC, đầu nối < đực> PP + MS, Có nhãn dán với chỉ thị màu giúp Điều dưỡng dễ dàng theo dõi trong ICU Tiết trùng EO. Hạn dùng 5 năm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 9001, 13485:2016                                                                                                                                                                   | Túi 1 cái                  | Cái         | 70000    |
| 53 | VT053 | N04.03.100                                  | Dây nối bơm tiêm điện áp lực cao                                                   | Dây dài 150cm, được làm từ vật liệu nhựa y tế, chịu áp lực cao 350PSI.<br>- Hai đầu dây là khóa dạng xoắn luer lock. Dây chống xoắn. Không chứa latex. Không có chất phụ gia DEHP. Đường kính ID 1.8mm, OD 3.9mm. Thể tích tồn dư 4.7ml. Đóng gói từng sợi riêng lẻ, một mặt dùng chất liệu CPP và một mặt giấy lọc khuẩn, rất an toàn trước sử dụng<br>- Tiệt trùng bằng EO gas.<br>- Sản phẩm đạt chứng nhận CE, EN-ISO 13485:2016                                                                                                                                                   | 50 cái/hộp                 | Cái         | 5000     |
| 54 | VT054 | N04.03.090                                  | Dây nối máy thở dùng 1 lần loại 2 bể nước                                          | Có 4 đoạn dây dài 80cm, 1 đoạn dài 45cm, 2 bể nước, cắt chữ Y, cắt góc có cổng lấy mẫu CO2, cắt nối 22-22. Đạt tiêu chuẩn ISO13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Túi 1 bộ                   | Bộ          | 3000     |
| 55 | VT055 | N04.03.030                                  | Dây thở oxy                                                                        | Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn. Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Túi 25 bộ x 20 túi / kiện  | Bộ          | 12000    |

| TT | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                                         | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Quy cách (nếu có)       | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|----------|
| 56 | VT056 | N03.05.010                                  | Dây truyền dịch vô trùng sử dụng một lần 20 giọt/ml, kim các cỡ      | Dây dẫn được làm bằng nhựa PVC nguyên sinh, Bộ điều kiện chỉnh giọt và kim xuyên qua chai được làm từ nhựa ABS, không có chất DEHP. Gắn kim các loại . Bầu nhỏ giọt có màng lọc dịch và van khí có màng lọc khí, thể tích $\geq 8,5$ ml. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015.                                                                                                                                                                                                              | 1 sợi/ gói; 25 sợi/hộp  | Sợi         | 50000    |
| 57 | VT057 | N03.05.030                                  | Dây truyền máu                                                       | Dây dài 1650mm, kích thước dây ID2.9xOD4.1x1200mm, ID2.9xOD4.1x200mm. Bầu nhỏ giọt chất liệu PVC, 2 ngăn x10mm, màng lọc màu 200µm (25x55mm) chất liệu polyester. Cổng tiêm Y 35mm. Kim tiêm 18G. Không DEHP, không LATEX. Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016/ EN ISO 13485:2016. EC. CFS có chứng thực Đại sứ quán.                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 300 bộ/ Thùng           | Bộ          | 700      |
| 58 | VT058 | N03.05.030                                  | Dây truyền máu                                                       | Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Dầu cấm dịch Cầu tạo sắc nhọn thiết kế theo tiêu chuẩn . Bầu nhỏ giọt trong suốt để nhìn theo dõi tốc độ chảy. Tốc độ dòng chảy = 20 giọt/ml. . Bộ điều chỉnh lưu lượng chính xác. Dây làm bằng chất liệu PVC trong suốt độ dài 150 cm, không xoắn dễ dàng cho việc theo dõi dòng chảy. Độ bền kéo theo đánh giá quan sát là 27N, giới hạn NL.T 15N. Có đầu nối thông với bộ lọc micron và kim tiêm. Cỡ kim 1,2x40mm (18Gx1,5"). Vô trùng, sử dụng một lần và không chứa pyrogenic. Tiệt trùng bằng khí E.O. 6% luer côn theo tiêu chuẩn quốc tế. | 400 bộ/thùng 50 cái/hộp | Cái         | 700      |
| 59 | VT059 | N08.00.240                                  | Đè lưỡi gỗ vô trùng                                                  | Yêu cầu: chất liệu gỗ; kích thước 150mm x 20mm x 2mm. Tiệt trùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 100 cái/hộp             | Cái         | 2000     |
| 60 | VT060 | N08.00.250                                  | Điện cực dân                                                         | Điện cực dân dùng cho đo điện tâm đồ, kích thước 37 x 41mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. CE.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Túi 50 cái              | Cái         | 10000    |
| 61 | VT061 | N01.02.040                                  | Dung dịch diệt khuẩn phòng mổ và buồng bệnh                          | Thành phần: Hàm lượng 0,012% Ag (trong đó 85 % bạc nano). Tiệt trùng bằng khí E.O. 6% luer côn theo tiêu chuẩn quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Can 5 lít               | Can         | 150      |
| 62 | VT062 | N01.02.050                                  | Dung dịch khử khuẩn dụng cụ nhanh                                    | Thành phần: ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8. Thời gian ngâm khử khuẩn cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Đạt tiêu chuẩn: CE; ISO 13485; Quy cách: Can : 3.78L.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Can 3,78 lít            | Can         | 150      |
| 63 | VT063 | N01.02.050                                  | Dung dịch khử khuẩn, tiệt khuẩn lạnh cho ống nội soi và dụng cụ y tế | Thành phần: o-Phthalaldehyde 0,55% Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Can $\geq$ 4 lít        | Can         | 100      |
| 64 | VT064 | N01.02.050                                  | Dung dịch làm sạch dụng cụ đa enzyme                                 | Enzyme Protease subtilisin: 8,0% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase : 0,05% (w/w). Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate 8% w/w, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chĩnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu...                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Chai 1L                 | Chai        | 210      |
| 65 | VT065 | N01.02.050                                  | Dung dịch làm sạch và tiệt khuẩn dụng cụ y tế                        | 6,5% Didecylidimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt, làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế, Đạt tiêu chuẩn ISO 15883, EN 14561, EN 13727, EN 14476. Nồng độ sử dụng $\leq$ 0,5%, pH = 7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Can 5 lít               | Can         | 105      |
| 66 | VT066 | N01.02.050                                  | Dung dịch ngâm khử khuẩn và tiệt khuẩn lạnh dụng cụ                  | Thành phần: Glutaraldehyde 2% . Có tác dụng trong vòng 28 ngày (kiểm tra hoạt lực bằng que thử). Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485. CE.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Can 5 lít               | Can         | 202      |
| 67 | VT067 | N01.02.050                                  | Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ                                       | Enzyme Protease subtilisin hiệu quả nhanh sau 1 phút. pH trung tính . Đạt tiêu chuẩn: CE; ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Can 5 lít               | Can         | 100      |
| 68 | VT068 | N01.02.040                                  | Dung dịch phun sương khử khuẩn bề mặt                                | Hoạt chất: Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w). Hiệu quả diệt khuẩn Vi khuẩn, nấm mốc : EN 13697. <del>Pseudobacterium</del> EN 14348. Virus: EN 14476. Bảo từ: EN 13704                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Can 5L                  | Can         | 100      |

| TT | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Quy cách (nếu có) | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 69 | VT069 | N01.02.010                                  | Dụng dịch rửa tay nhanh                     | 80%/w/v Ethanol + 7.2% w/v Isopropanol + 0.5% w/v Chlorhexidine gluconat chất bảo vệ, dưỡng da và hương liệu. Khử khuẩn tay thường qui và ngoại khoa. Sản phẩm có tác dụng diệt 99,99% các vi sinh vật được thử nghiệm gồm S.aureus, P. aeruginosa, Shigella, M.tuberculosis, Bacillus subtilis và nấm C. albicans sau 30 giây tiếp xúc<br>ISO 9001: 2015                                                                                                                                                                                                            | Can 5 lít         | Can         | 200      |
| 70 | VT070 | N01.02.010                                  | Dụng dịch sát khuẩn tay                     | 80%/w/v Ethanol + 7.2% w/v Isopropanol + 0.5% w/v Chlorhexidine gluconat chất bảo vệ, dưỡng da và hương liệu. Khử khuẩn tay thường qui và ngoại khoa. Sản phẩm có tác dụng diệt 99,99% các vi sinh vật được thử nghiệm gồm S.aureus, P. aeruginosa, Shigella, M.tuberculosis, Bacillus subtilis và nấm C. albicans sau 30 giây tiếp xúc<br>ISO 9001: 2015                                                                                                                                                                                                            | Chai 500 ml       | Chai        | 1000     |
| 71 | VT071 | N02.03.020                                  | Gạc hút y tế                                | Gạc hút nước chỉ có sợi bông, 100% cotton. Mỗi cm2 có 10 sợi dọc, 8 sợi ngang. Giới hạn tạp chất : Clorid ≤ 0,01%; Sulfat : ≤ 0,02%; Calci ≤ 0,06%; Tro : không quá 0,3%; chất béo và chất nhựa hòa tan trong ether ≤ 0,3%; giảm khối lượng do sấy khô ≤ 8,5% . Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; 13485                                                                                                                                                                                                                                                                       | 600 mét/ kiện     | Mét         | 2000     |
| 72 | VT072 | N02.03.020                                  | Gạc phẫu thuật 10cm x10cm x 12 lớp vô trùng | "Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao.<br>Đặc tính:<br>- Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ ẩm: <8%;<br>- Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Các chất tan trong nước: 0,5% ;<br>- Trọng lượng: 23g/m2. - Mật độ sợi : ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; - Kích thước 10cm x 10cm x 12 lớp.<br>Đóng gói: 10 cái/gói; Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas " . Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, FDA | 10 Miếng/gói      | Miếng       | 7000     |
| 73 | VT073 | N03.06.030                                  | Găng khám các cỡ                            | Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài 240mm.Độ dày tối thiểu 1 lớp:Vùng ngón tay: 0,11 mm đến 0,13mm, Lòng bàn tay: 0,10 mm đến 0,12mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥7,0 N;Sau già hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): ≤ 10mg/dm2. Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm2. TCVN ISO 13485: 2017/ ISO 13485/2016, ISO 9001: 2015                                 | 50 đôi/hộp        | Đôi         | 50000    |
| 74 | VT074 | N03.06.030                                  | Găng kiểm tra dùng trong y tế               | Quy cách : 50 đôi/hộp. 500 đôi/kiện<br>Sản xuất từ latex cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính . Kích cỡ: S, M, L, chiều dài min 240mm, có thể hấp tiệt trùng tới nhiệt độ 110°C - 120°C. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: TCVN ISO 13485: 2017/ ISO 13485/2016, ISO 9001: 2015                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 50 đôi/ Hộp       | Đôi         | 70000    |
| 75 | VT075 | N03.06.050                                  | Găng phẫu thuật tiệt trùng các số           | Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày: min 0,18mm, Chiều dài: min 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 7 1/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N, Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm2, mức độ nhiễm tinh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. TCVN ISO 13485: 2017/ ISO 13485/2016 , ISO 9001: 2015, CE, FDA.<br>Quy cách : 50 đôi/hộp. 300 đôi/kiện          | 50 đôi/hộp        | Đôi         | 12000    |

| TT | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                       | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | Quy cách (nếu có) | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-------|---------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------|-------------|----------|
| 76 | VT076 | N03.06.030                                  | Găng tay cao su y tế có bột các cỡ | Găng tay cao su tự nhiên, có bột, găng có bề mặt nhám hoặc trơn nhẵn, thuận cả hai tay, ASTM D3578, TCVN 6343:2007, EN 455 Part 1,2,3,4, ISO 10993-5:2009 (E), ISO 10993-10:2010 (E). Màu sắc: Trắng. Kích cỡ: XS/S/M/L/XL. Trọng lượng (±0,2gr): XS: 4,0gr, S: 4,5gr, M: 5,0gr, L: 5,5gr, XL: 6,0gr. Chiều dài: 240mm±5. Chiều rộng (mm): XS: 75±5, S: 85±5, M: 95±5, L: 105±5, XL: 115±5. Độ dày (mm): Lòng bàn tay: ≥0,09, Đầu ngón tay: ≥0,11. Lực kéo đứt trước lão hóa/ Sau lão hóa: min 20MPa/16MPa. Độ đàn hồi khi đứt trước lão hóa/ Sau lão hóa: min 700%/600%. Hàm lượng bột: max 10mg/dm². Hàm lượng Protein: max 100µg/dm². Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 |  | 50 đôi/ hộp       | Đôi         | 50000    |
| 77 | VT077 | N03.06.030                                  | Găng tay không bột                 | Sân xuất từ cao su thiên nhiên, không bột, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp: Vùng ngón tay: 0,11 mm đến 0,13mm, Lòng bàn tay: 0,10 mm đến 0,12mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥7,0 N; Sau già hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm². TCCL : ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                |  | Hộp 50 đôi        | Đôi         | 10000    |
| 78 | VT078 | N03.06.050                                  | Găng tay phẫu thuật tiết trùng     | Làm bằng mù cao su latex thiên nhiên. Tiết trùng Cỡ 6,5;7,5; 7;8. Không cắt hoặc xé bao bì gây bụi. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 1 đôi/ Túi        | Đôi         | 12000    |
| 79 | VT079 | N01.02.040                                  | Khăn lau khử khuẩn                 | Khăn tắm dung dịch Didecyl/dimethyl ammonium chloride 0.3% và không chứa cồn<br>Làm sạch & khử khuẩn bề mặt, lau sơ bộ ống nội soi trước khi ngâm làm sạch và khử khuẩn<br>Phân hủy vi sinh 100%<br>Đạt tiêu chuẩn EN 16615<br>Thời gian tiếp xúc: từ 2 phút<br>Diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476<br>Ổn định trong 3 tháng kể từ ngày mở túi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  | Hộp 100 khăn      | Hộp         | 200      |
| 80 | VT080 | N03.05.060                                  | Khóa 3 chạc có dây nối             | Tiết trùng<br>Thành phần: có dây nối dài tối thiểu 100cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  | 100 cái/ hộp      | Cái         | 5000     |
| 81 | VT081 | N03.05.010                                  | Khóa 3 chạc có dây nối             | Thành phần: có dây nối dài tối thiểu 25cm<br>Tiết trùng<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  | Túi 1 cái         | Cái         | 5000     |
| 82 | VT082 | N03.05.060                                  | Khóa 3 ngã (không dây)             | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khóa ba ngã dùng truyền dịch nhiều lần</li> <li>• Thân khóa làm từ: Polycarbonate; Tay xoay: HDPE</li> <li>• Khối lượng mỗi nhỏ đảm bảo truyền chính xác, ít hao hụt</li> <li>• Mũi tên chỉ hướng dòng chảy</li> <li>• Để tránh rò rỉ nên kết nối thấp hơn 6% luer (theo chuẩn quốc tế)</li> <li>• Chịu áp suất lên đến 4.5 bar (65 psi)</li> <li>• Khối lượng mỗi: 6.6ml/meter</li> <li>• Khóa xoay Luer Lock • Xoay 360°</li> <li>• Khóa đục xoay, 2 đầu khóa cái kết nối, Tiết trùng bằng khí EO, TCCL ISO, CE</li> </ul>                                                                                                     |  | 100 cái/ hộp      | Cái         | 10000    |

| TT | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                                 | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Quy cách (nếu có)           | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 83 | VT083 | N03.05.060                                  | Khóa ba ngã có dây dẫn                                       | Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được và khóa luer-lock. Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố. Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh.                                                                                                                             | Hộp 50 cái x 10 hộp/ kiện   | Cái         | 2000     |
| 84 | VT084 | N03.02.020                                  | Kim cánh bướm                                                | Kim 23G, 25G. Đạt chất lượng đạt ISO: 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100 cái/hộp                 | Cái         | 50000    |
| 85 | VT085 | N03.03.000                                  | Kim cấy chỉ                                                  | Thần kim và lõi kim được làm từ thép không gỉ. Giá lót lõi, giá đỡ kim, ống bảo vệ được làm từ nhựa PP. 1 kim trong 1 gói kim cấy chỉ vô trùng dùng một lần- Bao gồm các thành phần chính: Ống bảo vệ, Thân Kim, Lõi kim.- Thân kim có các vạch chia Size :<br>0.5mm x 55mm<br>0.6mm x 55mm<br>0.7mm x 55mm<br>0.8mm x 55mm<br>0.9mm x 68mm<br>1.1mm x 73mm<br>1.2mm x 73mm<br>1.4mm x 73mm<br>1.6mm x 73mm<br>1.8mm x 73mm | Hộp 40 cái                  | Cái         | 5000     |
| 86 | VT086 | N03.04.010                                  | Kim châm cứu dạng vi nhôm, tay cầm bằng thép không gỉ các cỡ | Kích cỡ: Đường kính thân kim: 0,16 mm ~ 0,45 mm; Độ dài thân kim : 13 mm ~ 75 mm. Quy cách: bao phim từng cây một vô trùng.<br>Cán kim và thân kim chấm cứu được chế tạo bằng thép không gỉ. Mũi kim: tròn, cân, không dẹt, không có gờ ráp, đầu mũi kim của dk 0,30; 0,35 mm: lực ép đầu mũi kim 0,5 N, lực châm 0,8 N. Lực kéo của dk 0,30: 0,35 mm: 14N. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: CE"                                   | 10 cái/ túi<br>100 cái/ hộp | Cái         | 100000   |
| 87 | VT087 | N03.04.010                                  | Kim châm cứu dạng vi nhôm, tay cầm bằng thép không gỉ các cỡ | Kích cỡ: Đường kính thân kim: 0,16 mm ~ 0,45 mm; Độ dài thân kim : 13 mm ~ 75 mm. Quy cách: bao phim từng cây một vô trùng.<br>Cán kim và thân kim chấm cứu được chế tạo bằng thép không gỉ. Mũi kim: tròn, cân, không dẹt, không có gờ ráp, đầu mũi kim của dk 0,30; 0,35 mm: lực ép đầu mũi kim 0,5 N, lực châm 0,8 N. Lực kéo của dk 0,30: 0,35 mm: 14N. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: CE                                    | 10 cái/ vi                  | Cái         | 50000    |
| 88 | VT088 | N03.03.010                                  | Kim chọc dò và gây tê tùy sống số các cỡ 18-27G              | Kim rất sắc: do mũi kim được cắt vát hình dạng kim cương cho phép thâm nhập dễ dàng. Đốc kim trong suốt có phản quang dễ dàng quan sát thấy dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kimSize / Ext. Dia. x Length mm: 18G 1,27 x 89, 20G 0,9 x 89, 22G 0,7 x 89, 25G 0,5 x 89, 27G 0,4 x 89                                                                    | 20 Cái/Hộp                  | cái         | 1000     |
| 89 | VT089 | N03.02.060                                  | Kim lấy máu động mạch                                        | Kim lấy máu 23G, bầu đựng có chất liệu bằng nhựa, có tráng chất chống đông Lithium Heparin 15 IU, dung tích 1ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 500 chiếc/hộp               | Chiếc       | 20000    |

| TT | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                       | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Quy cách (nếu có)             | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-------|---------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------|----------|
| 90 | VT090 | N03.02.070                                  | Kim luồn tĩnh mạch                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kim luồn tĩnh mạch, có cánh, có cửa, 2 đường cân quang</li> <li>• Catheter kháng xoắn ống, chấn bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu.</li> <li>• Kim sắc bén, 3 mặt vát với thiết kế phần lõm đặc biệt trên thân của công nghệ mới Advta Tech. → mẫu chảy ra tức thời khi chích vào đúng TM (Quick Flashback)</li> <li>• Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, đến 72h</li> <li>• Catheter ôm sát thân kim tránh rò và đứt khi đi xuyên qua da</li> <li>• Cửa chích thuốc nằm trung tâm kim giúp kim không bị dịch chuyển khi bơm thuốc, có van một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch, máu..</li> <li>• Dễ sử dụng.</li> <li>• Nguyên liệu FEP</li> <li>• Tiệt trùng bằng khí EO</li> <li>TCCL: ISO, CE</li> <li>• Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy<br/>12002- 16G: 1.7x45mm - 200ml/min. 12004: 18G: 1.3x45mm - 90ml/min<br/>12006: 20G: 1.1x32mm - 56ml/min. 12007: 22G: 0.9x25mm - 36ml/min<br/>12008: 24G: 0.7x19mm - 23ml/min</li> </ul> | 100 cái/ Thùng                | Cái         | 20000    |
| 91 | VT091 | N03.02.070                                  | Kim luồn tĩnh mạch cỡ cỡ           | <p>Chất liệu Catheter ETFE (Ethylen Tetra Flour Ethylen) đảm bảo cho thành Catheter đủ cứng, đàn hồi tốt, ôm kim. Catheter dễ dàng đi qua da vào tĩnh mạch, sử dụng được khi chọc tĩnh mạch cảnh, động mạch quay. Cán kim dài dễ cầm khi chọc nhiều vùng ven khác nhau. Đóng gói từng chiếc bằng vỏ nhựa cứng đảm bảo an toàn, lưu Catheter được 72h, được tiệt trùng bằng công nghệ chùm điện tử (EB); Các cỡ 14Gx2 1/2" (I.D.1.73 x64mm, 16G x2"(I.D.1.30x51mm), 18G x 2"(I.D.0.95x51mm), 20G x2" (I.D.0.80 x51mm), 22G x 1" (I.D. 0.60 x25mm), 24G x3/4" (I.D.0.47x19mm), màu sắc các cỡ kim khác nhau. Kim luồn tĩnh mạch không có cánh. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 50 cái/ hộp                   | Cái         | 10000    |
| 92 | VT092 | N03.02.070                                  | Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa | <p>Vỏ trùng. Sử dụng một lần. Có cánh, có công tiêm thuốc. Không pyrogenic. Màu được mã hóa theo tiêu chuẩn ISO. Độ còn 6% theo tiêu chuẩn quốc tế. Kim được làm bằng thép không gỉ (AISI 304) của Nhật Bản có đường kính và chiều dài tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn ISO. Kim có ba điểm để chèn không gây đau đớn. Chất liệu ống thông bằng PTFE(Teflon)/FEP/PUR, trong suốt được phủ kín, theo tiêu chuẩn USP. Có vạch cân quang ẩn, Công nghệ Tip tự động tùy chỉnh Class VI cho lực xuyên thấu. Kim sắc, nhọn, thiết kế phù hợp, diện tiếp xúc với da nhỏ làm giảm cảm giác đau đớn.. Khả năng lưu catheter 72h. Màu sắc - đường kính trong, ngoài- chiều dài - tốc độ dòng chảy: Kim 18G: Màu xanh lá cây 0,9mm - 1,3x45mm - 80ml/phút.<br/>Kim 20G: Màu hồng 0,8mm -1,1x32mm - 54ml/phút;<br/>Kim 22G: Màu xanh da trời 0,6mm- 0,9x25mm - 33ml/phút.<br/>Kim 24G: Màu vàng 0,5mm- 0,7x19mm - 20ml/phút.<br/>Kim 26G: Màu tím 0,45mm - 0,6x19mm - 15ml/phút.<br/>Không chứa mù cao su</p>                                                                         | 1000 cái/thùng<br>100 cái/hộp | Cái         | 20000    |

| TT  | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                                 | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Quy cách (nếu có)          | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------|----------|
| 93  | VT093 | N03.02.070                                  | Kim luồn tĩnh mạch có cánh, cổng                             | Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng bơm thuốc cỡ 14G-24G<br>Ổng thông vật liệu FEP, có 4 đường cân quang, lưu trong lòng mạch đến 96 giờ.<br>Đường kính x Chiều dài và Lưu lượng dòng chảy qua ống thông:<br>Cỡ 14G: 1.9 x 42 mm 265 ml/ phút<br>Cỡ 16G: 1.6 x 42 mm 170 ml/ phút<br>Cỡ 17G: 1.4 x 42 mm 135 ml/ phút<br>Cỡ 18G: 1.2 x 40 mm 100 ml/ phút<br>Cỡ 20G: 1.0 x 32 mm 60 ml/ phút<br>Cỡ 22G: 0.8 x 25 mm 30 ml/ phút<br>Cỡ 24G: 0.7 x 19 mm 18 ml/ phút<br>Kim bằng thép không gỉ 304, đầu kim 3 mặt vát, độ dày đầu nhọn ≤ 0.05mm.<br>Cổng tiêm truyền có van Silicone một chiều.<br>Tiết trình: EO                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 50 cái/ hộp                | Cái         | 20000    |
| 94  | VT094 | N03.02.070                                  | Kim luồn tĩnh mạch dạng bút không cánh, không cổng bơm thuốc | - Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau.<br>- Kim đóng gói dạng bút.<br>- Ống catheter có 2 vạch cân quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau.<br>- Kim không cánh không cổng bơm thuốc bỏ xung.<br>- Khoang báo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven, màng lì nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền.<br>- Khử trùng bằng khí EO( Ethylene Oxide).<br>- Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ.<br>- ISO 13485:2016; FDA<br>- 16G; Ø (1,8 x 45) mm; Flow/ Rate 200ml/ min.<br>- 18G; Ø (1,3 x 45) mm; Flow/ Rate 85ml/ min.<br>- 20G; Ø (1,1 x 32) mm; Flow/ Rate 55ml/ min.<br>- 22G; Ø (0,9 x 25) mm; Flow/ Rate 33ml/ min.<br>24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min. | 50 cái/ 1 hộp              | Cái         | 5000     |
| 95  | VT095 | N03.02.080                                  | Kim tiêm                                                     | Kim các số G18, G20, G23, Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 100 cái/hộp                | Cái         | 400000   |
| 96  | VT096 | N03.02.080                                  | Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần, kim các cỡ                | Để kim được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Cỡ kim 18Gx1 1/2", 25Gx1", 23Gx1", 25Gx5/8", 26Gx1/2" được phân biệt bằng các màu nơi nối để kim. Kim sắc bén. Sản phẩm đóng gói dạng ép vi đảm bảo vô trùng, tiết trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1 cái/ gói;<br>100 cái/hộp | Cái         | 400000   |
|     |       | N03.07.060                                  | Khay nhựa cho ống mẫu 8 giếng                                | - Khay chuẩn bị mẫu 8 giếng, dùng trên máy tách chiết DNA/RNA tự động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Hộp 336 chiếc              | Hộp         | 3        |
|     |       | N03.07.060                                  | Khay ống chứa mẫu 2ml                                        | Ổng polypropylene không vô trùng (dung tích tối đa 0,85 ml, dung tích chứa dưới 0,7 ml, dung tích rửa giải 0,4 ml); 2304 ống trong các giá 96; bao gồm dài nắp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ (24 x 96)/Hộp           | Hộp         | 2000     |
| 100 | VT100 | N03.07.060                                  | Lọ đựng bệnh phẩm (nước tiểu) 30ml                           | Lọ nhựa trong suốt, có nắp nhựa, dung tích 30ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 01 cái/túi                 | cái         | 8000     |
| 101 | VT101 | N03.07.060                                  | Lọ đựng bệnh phẩm (nước tiểu) 50ml                           | Nhựa PS (nhựa trung tính, tinh khiết 100%) trắng trong. Tiết trùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 01 cái/túi                 | Cái         | 1000     |
| 102 | VT102 | N03.07.060                                  | Lọ mẫu đựng bệnh phẩm vô trùng 50ml (có thìa)                | Đóng gói: 01 cái/túi<br>Nhựa PS (nhựa trung tính, tinh khiết 100%) trắng trong, có thìa lấy phân bên trong.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100 cái/túi                | Cái         |          |

| TT  | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Quy cách (nếu có)             | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------|----------|
| 103 | VT103 | N05.03.070                                  | Lưỡi dao dùng cho máy cắt                   | Dao dùng để cắt các khối mô được vùi đục trong nền (paraffin). Nó giành được danh tiếng cao về hiệu suất cắt vượt trội và độ bền.<br>- Lưỡi dao khi hoàn thành được mạ bạch kim.<br>- Góc cắt 35o. - Hộp 50 chiếc                                                                                                      | Hộp 50 chiếc                  | Hộp         | 50       |
| 104 | VT104 | N05.03.080                                  | Lưỡi dao mổ các số                          | Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 100 cái/ hộp                  | Cái         | 1000     |
| 105 | VT105 | N08.00.310                                  | Mask bóp bóng                               | Chất liệu silicon, không có chất PGEHP. Dùng cùng với máy thở hoặc Ambu. Đạt tiêu chuẩn ISO13485                                                                                                                                                                                                                       | Túi 1 bộ                      | Bộ          | 200      |
| 106 | VT106 | N08.00.310                                  | Mask khí dung                               | Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Túi 1 cái                     | Cái         | 35000    |
| 107 | VT107 | N08.00.310                                  | Mask thở Oxy (mặt nạ thở oxy)               | Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn có chiều dài 2 m.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)                                                                                                                                                                                                                                        | 01 cái/ túi                   | Cái         | 3000     |
| 108 | VT108 | N08.00.310                                  | Mask thở Oxy có túi (mặt nạ thở oxy có túi) | Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)                                                                                                                                                                                                          | Túi 1 cái                     | Cái         | 1000     |
| 109 | VT109 | N08.00.310                                  | Mặt nạ xông khí dung                        | Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016                                                                                                                                                                                                                | Túi 1 bộ x 100 túi / kiện     | Bộ          | 25000    |
| 110 | VT110 | N03.07.070                                  | Ông chứa máu kháng đông EDTA -K2            | Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính<br>Kích thước: dung tích 5ml, đường kính ống 12-13mm, chiều dài ống 75mm<br>Nhận dạng: nắp nhựa, có vạch định mức lấy bệnh phẩm, chịu được lực quay ly tâm 3000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút<br>Hóa chất: Sử dụng hóa chất chống đông EDTA-K2<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485    | 100 cái x 12 hộp/thùng        | Cái         | 50000    |
| 111 | VT111 | N03.07.070                                  | Ông chứa máu kháng đông Heparin             | Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính<br>Kích thước: dung tích 5ml, đường kính ống 12-13mm, chiều dài ống 75mm<br>Nhận dạng: nắp nhựa, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 vòng/ phút trong thời gian 5-10 phút<br>Hóa chất: Sử dụng hóa chất chống đông Heparin<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 | 100 cái x 12 hộp/thùng        | Cái         | 120000   |
| 112 | VT112 | N03.07.070                                  | Ông chứa máu kháng đông Natri Citrate       | Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính.<br>Kích thước: dung tích 5ml, đường kính ống 12-13mm, chiều dài ống 75mm<br>Nhận dạng: nắp nhựa, có vạch định mức lấy bệnh phẩm, chịu được lực quay ly tâm 3000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút<br>Hóa chất: Sử dụng hóa chất chống đông NACN<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485      | 100 cái x 12 hộp/thùng        | Cái         | 5000     |
| 113 | VT113 |                                             | Ông đặt nội khí quản khó (Ông cook)         | Ông cook- Ông đặt nội khí quản khó.<br>Đầu ống bằng silicone mềm, hạn chế gây tổn thương vùng họng cho bệnh nhân<br>Đầu cảm quang, giúp xác định vị trí tốt hơn.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                           | 01 cái/túi                    | Cái         | 30       |
| 114 | VT114 | N03.07.070                                  | Ông nghiệm lấy máu chân không EDTA          | - Ông nghiệm chân không EDTA K3 được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm.<br>Ông nghiệm đã được hút chân không                                                                                                                                                                                     | Khay 100 ống x 24 Khay / kiện | Ông         | 1000     |

| TT  | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                             | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Quy cách (nếu có)               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------|----------|
| 115 | VT115 | N03.07.070                                  | Ống nghiệm lấy máu chân không Heparin                    | - Ống nghiệm chân không Heparin được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không                                                                                                                                                                                       | Khay 100 ống x 24 Khay / Kiện   | Ổng         | 1000     |
| 116 | VT116 | N03.07.070                                  | Ống nghiệm lấy máu chân không Sodium Citrate             | - Ống nghiệm chân không Sodium Citrate 3,2% được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không                                                                                                                                                                           | Khay 100 ống x 24 Khay / Kiện   | Ổng         | 5000     |
| 117 | VT117 | N03.07.070                                  | Ống nghiệm lấy máu chứa chất K2 EDTA                     | Ống nghiệm chứa chất K2 EDTA, nắp xanh dương.<br>Thể tích chứa : 5ml<br>Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 75mm x 12mm<br>Chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút.<br>Nồng độ K2EDTA: 1.2 – 2.2 mg/mL máu<br>Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485, ISO 14001, CE, GMP-FDA<br>Tiết trùng: chiếu xạ e-beam                   | 100 ống / khay 2.700 ống/ thùng | Ổng         | 30000    |
| 118 | VT118 | N03.07.070                                  | Ống nghiệm lấy máu chứa chất K2 EDTA, nắp cao su         | Ống nghiệm chứa chất K2 EDTA, nắp xanh dương, nút cao su.<br>Thể tích chứa : 5ml<br>Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 75mm x 12mm<br>Chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút.<br>Nồng độ K2 EDTA: 1.2 – 2.2 mg/mL máu<br>Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485, ISO 14001, CE, GMP-FDA<br>Tiết trùng: chiếu xạ e-beam      | 100 ống / khay 2.700 ống/ thùng | Ổng         | 120000   |
| 119 | VT119 | N03.07.070                                  | Ống nghiệm lấy máu chứa chất Lithium Heparin             | Ống nghiệm chứa chất Lithium Heparin, nắp đen<br>Thể tích chứa : 5ml<br>Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 75 mm x 12 mm<br>Chịu lực ly tâm 6000 vòng/ phút.<br>Nồng độ Lithium Heparin: >10 IU/mL máu<br>Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485, ISO 14001, CE, GMP-FDA<br>Tiết trùng: chiếu xạ e-beam             | 100 ống / khay 2.700 ống/ thùng | Ổng         | 100000   |
| 120 | VT120 | N03.07.070                                  | Ống nghiệm lấy máu chứa chất Lithium Heparin, nắp cao su | Ống nghiệm chứa chất Lithium Heparin, nắp đen, nút cao su<br>Thể tích chứa : 5ml<br>Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 75 mm x 12 mm<br>Chịu lực ly tâm 6000 vòng/ phút.<br>Nồng độ Lithium Heparin: >10 IU/mL máu<br>Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485, ISO 14001, CE, GMP-FDA<br>Tiết trùng: chiếu xạ e-beam | 100 ống / khay 2.700 ống/ thùng | Ổng         | 50000    |
| 121 | VT121 | N03.07.070                                  | Ống nghiệm lấy máu chứa chất Sodium Citrate 3,8%,        | Ống nghiệm chứa chất Sodium Citrate 3,8%, nắp xanh lá<br>Thể tích chứa : 5ml<br>Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 75mm x 12mm<br>Chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút.<br>Nồng độ Sodium Citrate 3,8%<br>Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485, ISO 14001, CE, GMP-FDA<br>Tiết trùng: chiếu xạ e-beam                   | 100 ống / khay 2.700 ống/ thùng | Ổng         | 10000    |

| TT  | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                               | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Quy cách (nếu có)                        | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------|---------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------|----------|
| 122 | VT122 | N03.07.070                                  | Ông nghiệm lấy máu EDTA                    | - Ông nghiệm EDTA K2 kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Khay 100 ống<br>x 24 Khay /<br>Kiện      | Ông         | 40000    |
| 123 | VT123 | N03.07.070                                  | Ông nghiệm lấy máu Heparin                 | - Ông nghiệm Heparin kích thước 13x75mm; sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Khay 100 ống<br>x 24 Khay /<br>Kiện      | Ông         | 15000    |
| 124 | VT124 | N03.07.070                                  | Ông nghiệm lấy mẫu máu không chứa hoá chất | Ông nghiệm, nắp đò<br>Thế tích chứa: 5 ml.<br>Thân ống Polypropylene (PP), chiều dài 75 mm x 12 mm<br>Chịu lực ly tâm 6000 vòng/ phút.<br>Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485, ISO 14001, CE, GMP-FDA<br>Tiết trùng: chiếu xạ e-beam                                                                                                                                                                                                                   | 100 ống /<br>khay<br>2.700 ống/<br>thùng | Ông         | 10000    |
| 125 | VT125 | N03.07.070                                  | Ông nghiệm nhựa 15ml đáy nhọn vô trùng     | Chất liệu: ông nhựa PP, nắp nhựa PE<br>Kích thước: 16*118mm<br>Độ dày: 1,0mm<br>Màu sắc: Ông trong suốt<br>Sức chứa của ông: 15ml<br>Quy cách : 25 cái/ túi                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 25 cái/túi                               | Cái         | 200      |
| 126 | VT126 | N03.07.070                                  | Ông nghiệm nhựa không nắp không nhãn 5ml   | Ông nghiệm: Nhựa polystyrene (PS)<br>- ông có dạng hình trụ đáy tròn, không đóng nút, trên thân ông không có nhãn<br>- Kích thước ông: dài 75mm, đường kính 12mm, thể tích sử dụng tối đa: 5ml.<br>- Tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                              | 500 cái/túi                              | Cái         | 5000     |
| 127 | VT127 | N03.07.070                                  | Ông nghiệm thủy tinh 7ml có nắp xoay       | Ông nghiệm làm bằng thủy tinh soda-lime.<br>Nắp vận nhựa PP, có đĩa đệm TPE.<br>Phù hợp với các ứng dụng nuôi cấy vi sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 20 cái / túi                             | cái         | 200      |
| 128 | VT128 | N04.03.100                                  | Ông nối dây thở (Show)                     | Chất liệu nhựa PVC y tế, vô trùng, sử dụng 1 lần. Ông có thể co giãn. Chiều dài ông 15cm. Đường kính ông 22mm. Đầu co xoay được 360 độ, đầu nối tiêu chuẩn: 15/22mm phù hợp với tất cả các loại ông nội khí quản và dây máy thở. Đầu ông có lỗ (có nắp dây) lấy mẫu khí để đo nồng độ khí khi cần thiết. Ông nhựa trong giúp dễ quan sát tình trạng bệnh nhân. Tiết trùng EO và đóng gói từng sản phẩm. Tiêu chuẩn ISO 13485; 2016/ EN ISO 13485; 2016 | Túi 1 cái                                | Cái         | 2000     |
| 129 | VT129 | N04.01.030                                  | Ông nội khí quản không bóng các cỡ         | Ông nội khí quản được làm bằng vật liệu y tế PVC. Không bóng. Đầu được vát xung quanh giúp tránh tổn thương, có mắt Murphy. Có các size từ 2.0 - 10.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                        | 100 cái/<br>thùng                        | Cái         | 500      |
| 130 | VT130 | N04.01.030                                  | Ông nội khí quản có bóng các cỡ            | Ông nội khí quản được làm bằng vật liệu y tế PVC. Có bóng. Đầu được vát xung quanh giúp tránh tổn thương, có mắt Murphy. Bóng mềm áp lực thấp, thể tích cao. Có các size từ 3.0 - 10.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                       | 100 cái/<br>thùng                        | Cái         | 1000     |
| 131 | VT131 | N04.01.030                                  | Ông thông nội khí quản lò xo               | Loại có lò xo, được làm từ nguyên liệu PVC trắng silicon trong suốt, không chứa chất độc hại nhằm bảo vệ các mô mềm, nhạy cảm, có thể chịu được lực và xoắn nút. Có đầu nối tiêu chuẩn 15mm để đảm bảo tính tương hợp với các đầu nối tròn. Đầu ống trơn nhẵn giúp cho việc đặt ông vào nội khí quản trong việc giải phẫu, có vạch chia độ dài 1cm. Sản phẩm vô trùng, dùng 1 lần. Tiêu chuẩn ISO 13485; 2016/ EN ISO 13485; 2016                      | Thùng/<br>100 cái                        | Cái         | 1000     |

| TT  | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                                    | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Quy cách (nếu có)          | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------|----------|
| 132 | VT132 | N04.02.020                                  | Ống thông dạ dày                                | Các cỡ 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)                                                                                                                                                                                                                                                   | Túi 25 cái x 20 túi / kiện | Cái         | 3000     |
| 133 | VT133 | N04.01.030                                  | Ống thông phế quản/ ống đặt nội khí quản 2 nòng | Sử dụng trong trường hợp thông khí 1 phổi, ống có hai nòng có bóng chèn khí khí quản và 1 bên phế quản. Bóng phế quản cùng màu với đầu ống giúp dễ nhận biết nòng phế quản. Các số 28, 32, 35, 37, 39. Tiết trùng. Làm bằng nhựa y tế, bộ có phụ kiện, đầu nối xoay 360 độ tháo lắp thuận tiện, có 3 ống hút kiểm soát kèm theo. Tiêu chuẩn: ISO 13485.                            | Túi 1 bộ                   | Bộ          | 200      |
| 134 | VT134 | N07.01.500                                  | Phim X - Quang số hoá cỡ 20x25                  | - Phim khô Laser cỡ 20x25 cm<br>- Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ<br>- Phim nền xanh, độ dày PET ≥ 170 micromet<br>- Mật độ tối đa ≥ 3.3                                                                                                                                                                                                           | 150 tờ / hộp               | Tờ          | 100000   |
| 135 | VT135 | N07.01.500                                  | Phim X - Quang số hoá cỡ 20x25                  | Nền PET dày 168 µm, phủ lớp muối bạc nhạy nhiệt<br>Tính chất nhạy nhiệt giúp thay phim dễ dàng dưới môi trường sáng thông thường<br>Đóng gói 100 tờ/hộp, bao bì hoàn toàn có thể tái chế<br>Chứng nhận ISO 13485, CE<br>Lưu trữ sau khi in: Phù hợp tiêu chuẩn ANSI IT 9.11 và IT 9.19                                                                                             | 100 tờ/hộp                 | Tờ          | 8000     |
| 136 | VT136 | N07.01.500                                  | Phim X - Quang số hoá cỡ 35x43                  | Sử dụng trên máy in phim nhiệt<br>- Phim khô Laser cỡ 20x25 cm. Đóng gói 100 tờ / hộp<br>- Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ<br>- Phim nền xanh, độ dày PET ≥ 170 micromet<br>- Mật độ tối đa ≥ 3.3                                                                                                                                                  | 100 tờ / hộp               | Tờ          | 15000    |
| 137 | VT137 | N08.00.350                                  | Phin lọc khuẩn cho máy thở                      | Màng Hygroscopic của phin lọc làm ẩm, tạo độ ẩm và mang lại hiệu quả cho đường thở cho bệnh nhân. Khả năng tạo ẩm: 31mg / H <sub>2</sub> O @ VT 500ml • Mức kháng @ 60 LPM : 180pa • Khoáng chất: 45 ml • Thể tích: 150-1500ml • Áp lực giọt dịch: ít hơn 0,35 kPa • Hiệu quả lọc vi khuẩn : 99,99998 % • Hiệu quả lọc virus : 99,99997 % • Trọng lượng: 29.1g Tiêu chuẩn ISO, CE. | Túi 01 cái                 | Cái         | 10000    |
| 138 | VT138 | N08.00.350                                  | Phin lọc khuẩn đo chức năng hô hấp              | Dùng cho máy đo chức năng hô hấp ( dùng cho máy chest). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Túi 1 cái                  | Cái         | 30000    |
| 139 | VT139 | N08.00.350                                  | Phin lọc khuẩn đo chức năng hô hấp              | Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp Koko. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cái                        | Cái         | 30000    |
| 140 | VT140 | N04.04.010                                  | Que chọc dịch lồng ngực                         | Đầu chọc với 3 mặt cắt<br>Thành ống linh hoạt giúp mô chịu được sự chọc dịch ra ngoài<br>Đầu chớp nhọn giúp chèn ống vào dễ dàng và an toàn<br>Đánh dấu vị trí theo độ sâu tại mỗi cm                                                                                                                                                                                              | Hộp 100 cái                | Cái         | 500      |
| 141 | VT141 | N01.01.020                                  | Que thăm bông vô trùng                          | Mỗi que đựng riêng trong từng ống nhựa, được tiết trùng bằng khí EO. Dài tối đa 18cm.                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 200 cái/ túi               | Cái         | 10000    |
| 142 | VT142 | N04.02.020                                  | Sonde dạ dày các cỡ                             | Các số 8 - 10 - 12 - 14 - 16 - 18 - 20. Tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Túi 1 cái                  | Cái         | 2000     |
| 143 | VT143 | N04.01.090                                  | Sonde Foley 2 nhánh các cỡ                      | Sonde niệu quản các loại, chất liệu latex tự nhiên bọc silicon, có van chống trào ngược chất liệu Polypropylene, tiêu chuẩn ISO13485                                                                                                                                                                                                                                               | Túi 1 cái                  | Cái         | 2000     |
| 144 | VT144 | N04.01.090                                  | Sonde foley 2 nhánh các số                      | Bóng chèn 30ml/cc, dùng cho người lớn. Chất liệu cao su phủ silicon. Bóng hầm hình trụ. Đầu ống thông có lỗ thông tiểu. Van bơm bóng cao su. Tráng silicone trong lòng ống. Có các cỡ từ 12, 14, 16, 18. Tiết trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                          | 10 cái/ hộp                | Cái         | 1000     |
| 145 | VT145 | N04.01.090                                  | Sonde nelaton các số                            | Làm bằng cao su thiên nhiên, tráng silicon, Đạt tiêu chuẩn ISO13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Gói 20 cái                 | Cái         | 500      |
| 146 | VT146 | N03.05.020                                  | T-tube (bộ cai chữ T/ống thở T-Tube)            | Được trang bị một van pha loãng 40%, Oxy T-Piece cung cấp cho các bệnh nhân đặt nội khí quản với lượng oxy bổ sung trong phòng hồi sức                                                                                                                                                                                                                                             | cái / túi                  | cái         | 500      |

| TT  | Mã HH | Mã số theo nhóm tại Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa                         | Tiêu chí kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Quy cách (nếu có) | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------|---------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 147 | VT147 | N03.07.060                                  | Túi đựng nước tiểu                   | Túi đựng nước tiểu có dây treo làm bằng vật liệu nhựa PVC cao cấp, có khóa vặn $\frac{3}{4}$ vòng, dây dẫn dài 0.75 m, đường kính ngoài 6,8mm, đường kính van tháo dịch 9,2 mm; tính năng chống trào ngược có lỗ treo, không gây độc hại không gây kích ứng các vạch chia dung tích đều, Sản phẩm phù hợp với ISO 9001:2015; 13485:2016 | 500 túi/kiện      | Túi         | 4000     |
| 148 | VT148 | N03.07.030                                  | Túi tiết trùng dạng dẹt 100mm x 200m | Kích thước: 100mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film<br>Màng film 2 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                              | 04 cuộn/kiện      | Cuộn        | 5        |
| 149 | VT149 | N03.07.030                                  | Túi tiết trùng dạng dẹt 150mm x 200m | Kích thước: 150mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film<br>Màng film 2 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                              | 04 cuộn/kiện      | Cuộn        | 50       |
| 150 | VT150 | N03.07.030                                  | Túi tiết trùng dạng dẹt 250mm x 200m | Kích thước: 250mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film<br>Màng film 2 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                              | 04 cuộn/kiện      | Cuộn        | 50       |
| 151 | VT151 | N03.07.030                                  | Túi tiết trùng dạng dẹt 300mm x 200m | Kích thước: 300mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film<br>Màng film 2 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                              | 04 cuộn/kiện      | Cuộn        | 5        |
| 152 | VT152 | N02.02.020                                  | Băng dính (Urgosyval) 5cm x 5m       | Băng băng vải lụa Taffeta phủ keo, màu trắng. 100% sợi cellulose acetate đánh thành cuộn. Nguyên liệu có nguồn gốc từ các nước G7. Keo oxide kẽm. Lõi nhựa liên cảnh bảo vệ. Kích thước 5cm x 5m. ISO 13485                                                                                                                             | Hộp 6 cuộn        | Cuộn        | 1000     |